

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số 5290/SNV-XDCQ ngày 14/10/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Giang báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình địa phương

Xã Nghĩa Giang được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 theo Nghị quyết số 1677/2025/NQ-UBTVQP ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025. Xã Nghĩa Giang được hình thành trên cơ sở sắp xếp, sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 03 xã Nghĩa Thuận, Nghĩa Kỳ và Nghĩa Điền (của huyện Tư Nghĩa cũ), với tổng diện tích tự nhiên là 47,741 km², quy mô dân số 10.091 hộ, 39.097 người, với 11 thôn.

Địa giới hành chính xã Nghĩa Giang: Phía Đông giáp xã Tư Nghĩa và phường Nghĩa Lộ; phía Tây giáp xã Trà Giang; phía Nam giáp xã Phước Giang; phía Bắc giáp xã Sơn Tịnh. Xã Nghĩa Giang có vị trí địa lý tương đối thuận lợi, là cửa ngõ phía Tây của trung tâm tỉnh Quảng Ngãi, địa bàn có ranh giới tiếp giáp với các xã, phường lân cận, tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu kinh tế - văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

Sau sắp xếp, số thôn trên địa bàn xã giảm từ 18 thôn xuống còn 11 thôn. Việc sắp xếp làm thay đổi quy mô địa bàn quản lý, số hộ dân và khối lượng công việc của một số thôn; đồng thời đặt ra yêu cầu rà soát, bố trí chức danh, nhân sự và thực hiện chế độ, chính sách phù hợp với tình hình thực tế

2. Tình hình tổ chức thôn trên địa bàn

a) Tổng số thôn hiện có

Sau sắp xếp, xã Nghĩa Giang hiện có 11 thôn. UBND xã thực hiện quản lý, hướng dẫn và theo dõi hoạt động của các thôn theo quy định; đồng thời chỉ đạo rà soát việc bố trí các chức danh, phân công nhiệm vụ, thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ ở thôn.

b) Số thôn áp dụng mức phụ cấp theo Nghị quyết

b) Số thôn áp dụng mức phụ cấp tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND: 11 thôn

c) Số thôn áp dụng mức phụ cấp tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết: Không.

d) Qua kết quả rà soát, có 09/11 thôn có quy mô dân cư lớn; trong đó có 06 thôn có quy mô dân cư vượt từ 300% trở lên so với chuẩn quy định, 01 thôn có quy mô dân cư từ 500% trở lên (*có phụ lục kèm theo*).

Đối với các thôn có quy mô hộ gia đình lớn, khối lượng công việc liên quan đến quản lý dân cư, tuyên truyền, vận động Nhân dân, triển khai chủ trương, chính sách và thực hiện nhiệm vụ của địa phương thường cao hơn. Vì vậy, việc bố trí nhân sự, phân công nhiệm vụ và thực hiện chế độ phụ cấp cần được xem xét phù hợp với quy mô, tính chất công việc và điều kiện thực tế của từng thôn.

đ) Thuận lợi, khó khăn, đặc thù trong quản lý, điều hành

- Thuận lợi: Công tác sắp xếp thôn tạo điều kiện tinh gọn tổ chức, thống nhất đầu mối quản lý, thuận lợi hơn trong chỉ đạo, điều hành. Đội ngũ cán bộ, người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn cơ bản có kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu địa bàn, gần gũi Nhân dân và có khả năng phối hợp trong triển khai nhiệm vụ.

- Khó khăn: Sau sắp xếp, phạm vi quản lý và số lượng hộ gia đình tại một số thôn tăng, kéo theo khối lượng công việc lớn hơn. Trong khi đó, việc bố trí nhân sự, phân công kiêm nhiệm và bảo đảm chế độ chính sách phải tuân thủ số lượng, chức danh và mức hưởng theo quy định. Điều này đặt ra yêu cầu phải rà soát kỹ thực trạng từng thôn, đánh giá đúng khối lượng công việc và có giải pháp bố trí phù hợp.

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện

a) Công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền

Sau khi Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND được ban hành, UBND xã triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng đối tượng.

UBND xã tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết đến các bộ phận chuyên môn có liên quan, trưởng thôn và các đối tượng chịu tác động như: chức danh, đối tượng áp dụng, mức phụ cấp, hỗ trợ hằng tháng, chế độ kiêm nhiệm và trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b) Việc ban hành văn bản chỉ đạo, phân công trách nhiệm

UBND xã tổ chức triển khai Nghị quyết gắn với nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương; chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội rà soát thôn, chức danh, đối tượng, điều kiện bố trí và mức hưởng; rà soát nhu cầu kinh phí, tham mưu nguồn kinh phí và tổ chức chi trả.

c) Công tác rà soát, hướng dẫn xác định đối tượng và kiểm tra thực hiện

UBND xã tiến hành rà soát thực trạng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn; đối chiếu chức danh đang đảm nhiệm, tình hình bố trí nhân sự, trường hợp kiêm nhiệm và hồ sơ có liên quan để xác định đối tượng được hưởng chế độ theo Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, việc rà soát được gắn với yêu cầu bảo đảm đúng người, đúng chức danh, đúng điều kiện và đúng mức hưởng; đồng thời xem xét sự phù hợp giữa số lượng người được bố trí với quy mô hộ gia đình, phạm vi địa bàn và khối lượng nhiệm vụ tại từng thôn.

2. Kết quả bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn

UBND xã đã phối hợp với UBMTTQVN xã, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy rà soát việc bố trí người hoạt động không chuyên trách theo các chức danh được quy định; xem xét nhu cầu thực tế của từng thôn, yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện nhân sự để tham mưu bố trí, sử dụng phù hợp. Việc bố trí nhân sự được thực hiện theo hướng phát huy kinh nghiệm, năng lực và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ hiện có; bảo đảm sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ, hạn chế tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót công việc.

3. Kết quả thực hiện chế độ phụ cấp

UBND xã thực hiện rà soát danh sách người hoạt động không chuyên trách theo từng chức danh, nhóm thôn và mức phụ cấp được quy định tại Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND; đồng thời đối chiếu hồ sơ, quyết định bố trí và thời gian đảm nhiệm chức danh làm căn cứ thực hiện chi trả. *(có phụ lục kèm theo)*.

4. Đánh giá mức độ phù hợp và tác động của Nghị quyết đối với thực tiễn địa phương

a) Mức độ phù hợp của mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách

Việc quy định mức phụ cấp theo nhóm thôn và chức danh là cơ sở để thực hiện thống nhất chế độ, chính sách, tạo căn cứ cho việc bố trí, sử dụng và duy trì đội ngũ ở cơ sở. Sau sắp xếp từ 18 thôn còn 11 thôn, yêu cầu đối với đội ngũ ở thôn có sự thay đổi theo hướng tăng cường khả năng phối hợp, bao quát địa bàn và xử lý công việc. Vì vậy, việc đánh giá mức độ phù hợp của chế độ phụ cấp cần gắn với quy mô hộ gia đình, phạm vi địa bàn, khối lượng và tính chất nhiệm vụ của từng chức danh. Bên cạnh những mặt tích cực, cần tiếp tục rà soát mức độ tương xứng giữa chế độ phụ cấp và khối lượng công việc thực tế; ghi nhận tình hình khó khăn trong bố trí nhân sự.

b) Mức độ phù hợp của chức danh, số lượng và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động

Các quy định về chức danh, số lượng và mức hỗ trợ là cơ sở để địa phương tổ chức bố trí nhân sự, duy trì hoạt động của thôn và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định. Việc đánh giá mức độ phù hợp cần căn cứ vào số lượng người thực tế, nhiệm vụ được giao, yêu cầu phối hợp và đặc điểm của từng thôn. Đối với các địa bàn có quy mô dân cư lớn, cần chú trọng đánh giá khả năng đáp ứng công

việc, tính liên tục trong hoạt động và mức độ phù hợp của chế độ hỗ trợ với trách nhiệm thực tế.

c) Mức độ phù hợp của quy định kiêm nhiệm và chế độ phụ cấp, hỗ trợ kiêm nhiệm

Quy định về kiêm nhiệm góp phần sử dụng hiệu quả nhân lực, hạn chế tình trạng khuyết chức danh và bảo đảm hoạt động của thôn được duy trì. Chế độ phụ cấp, hỗ trợ kiêm nhiệm là yếu tố quan trọng nhằm ghi nhận trách nhiệm và khối lượng công việc tăng thêm của người đảm nhiệm nhiều chức danh. Tuy nhiên, hiệu quả kiêm nhiệm phụ thuộc vào năng lực của người được bố trí, sự phù hợp giữa các chức danh, khả năng phối hợp và khối lượng công việc thực tế. Do đó, việc thực hiện cần bảo đảm đúng điều kiện, không bố trí hình thức hoặc gây quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng nhiệm vụ.

d) Đánh giá đối với nhóm thôn có quy mô hộ gia đình từ 300% trở lên

Đối với nhóm thôn có quy mô hộ gia đình từ 300% đến dưới 500% và nhóm từ 500% trở lên, việc thực hiện chính sách cần được đánh giá riêng trên cơ sở quy mô hộ, dân số, phạm vi địa bàn, đặc điểm phân bố dân cư và khối lượng công việc thực tế. Đối với các thôn có quy mô hộ gia đình lớn, nếu số lượng người và chức danh được bố trí chưa tương xứng với khối lượng công việc thì có thể phát sinh áp lực trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là khi nhiều nhiệm vụ được triển khai cùng thời điểm.

đ) Tác động chung của Nghị quyết

Việc triển khai Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND góp phần tạo cơ sở thực hiện thống nhất chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn; nâng cao tính công khai, minh bạch trong xác định đối tượng, chức danh, mức hưởng và kinh phí thực hiện. Đối với địa phương đang thực hiện sắp xếp tổ chức thôn, Nghị quyết là căn cứ quan trọng để rà soát, bố trí và duy trì đội ngũ, góp phần ổn định tổ chức, động viên người đảm nhiệm chức danh tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động ở cơ sở. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện chính sách còn phụ thuộc vào sự phù hợp giữa quy định với quy mô hộ gia đình, đặc điểm địa bàn, khối lượng công việc, khả năng bố trí nhân sự và việc bảo đảm nguồn kinh phí.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Việc triển khai Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND đã tạo cơ sở để UBND xã Nghĩa Giang rà soát, đánh giá toàn diện tình hình tổ chức thôn, việc bố trí người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động và thực hiện chế độ, chính sách tại cơ sở. Công tác triển khai được gắn với yêu cầu kiện toàn tổ chức sau sắp xếp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm hoạt động của thôn được duy trì ổn định. Việc rà soát đối tượng, chức danh, mức phụ cấp, hỗ trợ và chế độ kiêm nhiệm góp phần nâng cao tính thống nhất trong quản lý, tạo căn cứ cho công tác lập dự toán, phân bổ và thực hiện kinh phí. Đặc biệt, trong

bối cảnh số lượng thôn giảm từ 18 xuống còn 11 thôn, việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định là một trong những yếu tố góp phần ổn định đội ngũ, hỗ trợ quá trình sắp xếp và nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động ở cơ sở.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện còn một số vấn đề cần tiếp tục rà soát, đánh giá.

- Việc sắp xếp thôn làm thay đổi quy mô, phạm vi địa bàn và khối lượng công việc, trong khi yêu cầu bố trí nhân sự, chức danh và chế độ chính sách phải bảo đảm đúng quy định. Điều này đòi hỏi địa phương phải thường xuyên rà soát để bảo đảm sự phù hợp giữa tổ chức nhân sự và yêu cầu thực tế.

- Các thôn có quy mô hộ gia đình lớn, khối lượng công việc có thể tăng, gây áp lực đối với người trực tiếp đảm nhiệm chức danh. Việc bố trí kiêm nhiệm tuy góp phần sử dụng hiệu quả nhân lực nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về thời gian, trách nhiệm và khả năng phối hợp.

3. Nguyên nhân và trách nhiệm

a) Nguyên nhân khách quan

Việc sắp xếp tổ chức và thôn làm thay đổi quy mô quản lý, phạm vi địa bàn và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở. Trong khi đó, việc bố trí nhân sự, chức danh và thực hiện chế độ chính sách phải tuân thủ các điều kiện, tiêu chuẩn, số lượng và mức hưởng theo quy định. Khối lượng công việc tại các thôn không hoàn toàn đồng đều, phụ thuộc vào số hộ gia đình, dân số, đặc điểm địa bàn và tình hình thực tế. Vì vậy, việc tổ chức thực hiện chính sách cần có thời gian rà soát, đối chiếu và đánh giá đầy đủ để bảo đảm phù hợp.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác cập nhật, tổng hợp và đối chiếu số liệu ở một số nội dung cần tiếp tục được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ; việc đánh giá mức độ đáp ứng nhiệm vụ của từng chức danh cần gắn sát hơn với thực tiễn từng thôn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND, UBND xã Nghĩa Giang kính đề nghị cấp có thẩm quyền quan tâm một số nội dung sau:

1. Tiếp tục hướng dẫn cụ thể việc xác định nhóm thôn, đối tượng, chức danh, điều kiện và mức phụ cấp, hỗ trợ, chế độ kiêm nhiệm theo Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND.

2. Quan tâm hướng dẫn việc đánh giá, xác định nhóm thôn có quy mô hộ gia đình từ 300% trở lên, nhất là nhóm từ 500% trở lên, bảo đảm việc áp dụng chính sách có căn cứ, thống nhất và phù hợp với thực tế.

3. Đề nghị cấp có thẩm quyền theo dõi, đánh giá mức độ phù hợp của mức phụ cấp, hỗ trợ và chế độ kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn; nghiên cứu các khó khăn phát sinh tại những

địa bàn có quy mô hộ gia đình lớn, phạm vi quản lý rộng và khối lượng công việc cao.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; kính báo cáo Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Lực